TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THÁI THỤY** **TỈNH THÁI BÌNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 73/2020/HS-ST
Ngày 25 - 9 - 2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THÁI THỤY, TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Quốc Doanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Tuấn

2. Bà Phạm Hồng Thiêm

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoài Thanh - Thư ký TAND huyện Thái Thụy.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Ngọc - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 69/2020/TLST-HS ngày 09 tháng 9 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 79/2020/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 9 năm 2020, đối với:

Bị cáo **Lê Ngọc D,** sinh ngày 28/8/1993 tại xã T, huyện T, tỉnh Thái Bình.

Nơi cư trú: Tổ dân phố B, thị trấn D, huyện T, tỉnh Thái Bình. Nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn T, sinh năm 1964 và bà Tô Thị Y, sinh năm 1970; vợ: Đào Thị H, sinh năm 1996; con: Có 01 con sinh năm 2020

Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Tháng 9/2011 tham gia nghĩa vụ quân sự đóng quân tại Quân chủng hải quân – Bộ tư lệnh vùng 5 đến ngày 02/01/2013 xuất ngũ về địa phương.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 30/6/2020 đến ngày 03/7/2020 chuyển tạm giam đến nay (có mặt)

- *Người chứng kiến:* - Ông Nguyễn Văn B, sinh năm 1957 và ông Phạm Văn D1, sinh năm 1959; đều trú tại: Thôn T, xã T, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình (đều vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 21 giờ ngày 29/6/2020, Lê Ngọc D đi nhờ xe của một người đàn ông không biết tên, tuổi, địa chỉ từ nhà đến Thôn T, xã T, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình để tìm mua ma túy về sử dụng. Tại đây, D gặp và mua của một người đàn ông khoảng 50 tuổi (không biết tên, địa chỉ) 02 gói ma túy loại Methamphetamine với giá 300.000 đồng. D cất dấu ma túy vừa mua được vào trong túi quần bên trái, phía trước đang mặc rồi đi bộ tìm thuê xe để về. Đến 21 giờ 20 phút cùng ngày, D đang đi bộ tại đường 456 thuộc thôn T, xã T thì bị tổ công tác Công an huyện T phát hiện. Trước sự chứng kiến của chính quyền địa phương và các ông Nguyễn Văn B, ông Phạm Văn D1, tổ công tác kiểm tra người D, phát hiện và thu giũ trong túi quần bên trái, phía trước D đang mặc 02 gói linon trong suốt có gờ cài màu xanh, bên trong 02 túi đều chứa dạng tinh thể trong suốt. Tổ công tác đã niêm phong ma túy của D vào phong bì mẫu số A1, lập biên bản bắt người phạm tội quả tang đối với D. Cùng ngày, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện T tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở của D nhưng không thu giữ gì.

Tại bản Kết luận giám định số 257/KLGĐ-PC09 ngày 30/6/2020, Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Bình kết luận: "Vật chứng trong phong bì niêm phong mẫu số A1 thu giữ của Lê Ngọc D gửi giám định là ma túy, loại Methamphetamine, có khối lượng 0,3661 gam (không phẩy ba nghìn sáu trăm sáu mươi mốt gam)". Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại gì về Kết luận giám định này.

Cáo trạng số 75 ngày 08/9/2020, Viện kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy đã truy tố bị cáo Lê Ngọc D về tội "Tàng trữ trái phép chất ma tuý" theo điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trong bản Cáo trạng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Lê Ngọc D phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy".

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 50, Điều 38 Bộ luật Hình sự đề nghị xử phạt bị cáo từ 01 (một) năm 03 (ba) Tháng đến 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị tạm giữ 30/6/2020, không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, đề nghị tịch thu tiêu huỷ 0,2710 gam ma túy, loại Methamphetamine thu giữ của bị cáo Lê Ngọc D hoàn lại sau giám định trong phong bì niêm phong số 257/KLGĐ-PC09 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Bình. Bị cáo phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

Bị cáo không tranh luận gì và nói lời sau cùng: Bị cáo rất ân hận về hành vi phạm tội của mình, mong Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất để bị cáo sớm được trở về với gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về quyết định tố tụng, hành vi tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Tại giai đoạn điều tra, truy tố, tại phiên tòa, bị cáo Lê Ngọc D đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung bản Cáo trạng đã truy tố và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ như Biên bản bắt người phạm tội quả tang; Biên bản niêm phong vật chứng do Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện T lập ngày 29/6/2020 (Bút lục số: 41-43); lời khai của những người chứng kiến là ông Nguyễn Văn B, ông Phạm Văn D1 (bút lục số 69 - 76); Bản kết luận giám định số 257/KLGĐ-PC09 ngày 30/6/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Thái Bình (bút lục số 49) và các tài liệu, chứng cứ khác trong hồ sơ. Bị cáo nhận thức được việc tàng trữ 0,3661 gam ma túy, loại Methamphetamine để sử dụng cho bản thân là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện. Vì vậy, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ để kết luận: Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội "Tàng trữ trái phép chất ma tuý" theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự như Viện kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy truy tố là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Điều 249. Tội tàng trữ trái phép chất ma túy - Bộ luật hình sự quy định:

"1. Người nào tàng trữ trái phép chất ma túy mà không nhằm mục đích mua bán, vận chuyển, sản xuất trái phép chất ma túy thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:

...

c) Heroine, Cocaine, Methamphetamine, Amphetamine, MDMA hoặc XLR-11 có khối lượng từ 0,1 gam đến dưới 05 gam;

...

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản"

[3] Đánh giá tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội của bị cáo thấy: Hành vi phạm tội của bị cáo là nghiêm trọng, gây nguy hại lớn cho xã hội, xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước về chất ma túy, xâm phạm đến an ninh, trật tự công cộng và an toàn xã hội, là nguyên nhân làm phát sinh các tệ nạn xã hội và các loại tội phạm khác. Bị cáo là người trưởng thành, có khả năng nhận thức và điều khiển hành vi của mình, có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, biết được tác hại rất lớn của ma túy, nhận thức được việc tàng trữ ma túy là vi phạm pháp luật nhưng bị cáo vẫn bất chấp mua về và cất giữ trong người để sử dụng cho bản thân.

[4] Xét các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự thấy: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo Điều 52 Bộ luật hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình, đã từng thực hiện nghĩa vụ quân sự nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[5] Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử thấy cần phải xử phạt nghiêm khắc, tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội của bị cáo, có như vậy mới có tác dụng cải tạo, giáo dục đối với bị cáo nói riêng cũng như răn đe, đấu tranh và phòng ngừa tội phạm nói chung. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo vì bị cáo tàng trữ ma túy để sử dụng cho bản thân, trước khi bị bắt làm nghề lao động tự do, thu nhập không ổn định và không có tài sản riêng.

[6] Về xử lý vật chứng: Số ma túy thu giữ của bị cáo thuộc loại Nhà nước cấm lưu hành nên cần tịch thu tiêu hủy. Về nguồn gốc số ma túy, D khai không biết tên, tuổi, địa chỉ và không nhớ đặc điểm nhận dạng của người bán ma túy và người cho D đi nhờ xe, nên Cơ quan điều tra không có cơ sở để điều tra xử lý là đúng pháp luật.

[7] Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Lê Ngọc D phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma tuý".

2. Hình phạt: Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 50, Điều 38 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Lê Ngọc D 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ 30/6/2020.

3. Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

Tịch thu tiêu huỷ 0,2710 gam ma túy, loại Methamphetamine thu giữ của bị cáo Lê Ngọc D hoàn lại sau giám định trong phong bì niêm phong số 257/KLGĐ-PC09 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Bình.

(*Vật chứng nêu trên đã chuyển Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình theo Biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản ngày 08/9/2020*).

4. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Bị cáo Lê Ngọc D phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331, 333 Bộ luật tố tụng hình sự:

Bị cáo Lê Ngọc D có mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án 25/9/2020./.

Nơi nhận:
- Bị cáo;
- VKSND huyện Thái Thụy; VKSND tỉnh Thái Bình;
- Cơ quan điều tra, Cơ quan thi hành án hình sự - Công an huyện T;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Thái Bình;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thái Thụy;
- TAND tỉnh Thái Bình;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Quốc Doanh

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Nguyễn Quốc Doanh